

DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP
CÁC BON THẤP

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2018
VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2019

I – THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN:

1. Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp các bon thấp, khoản vay số: 2968-VIE (SF), được ký ngày 7/3/2013 giữa Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Việt Nam, Thời gian thực hiện dự án: 2013-2019 với tổng số tiền theo thiết kế ban đầu của dự án là 48.170.000 SDR tương đương 84 triệu USD (ADB 74 triệu USD, Chính phủ Việt Nam 10 triệu USD) vào thời điểm ký Hiệp Định. Tuy nhiên, do tỷ giá SDR xuống thấp nên vốn vay ADB chỉ còn 67,381 triệu USD và ngày 25/01/2019, Chính phủ Việt Nam và ADB đã thống nhất cắt giảm 30 triệu USD vốn vay của Hợp phần tín dụng nên tổng vốn còn lại của dự án tính đến thời điểm tháng 02/2019 là tương đương 37,381 triệu USD.

2. Địa điểm thực hiện dự án: Mười (10) tỉnh bao gồm Lào Cai, Sơn La, Phú Thọ, Bắc Giang, Nam Định, Hà Tĩnh, Bình Định, Tiền Giang, Bến Tre, Sóc Trăng;

3. Mục tiêu của dự án:

Mục tiêu tổng quát:

(i) Xây dựng một nền sản xuất nông nghiệp bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường thông qua việc xúc tiến xây dựng/nhân rộng các mô hình nghiên cứu và chuyển giao các công nghệ sản xuất nông nghiệp hướng tới giảm thiểu phát thải khí nhà kính và ứng phó/giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phế phụ phẩm trong nông nghiệp, quản lý hiệu quả các hoạt động chế biến, bảo quản sau thu hoạch nông sản.

(ii) Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải nông nghiệp thông qua mở rộng và phát triển chương trình khí sinh học (KSH) từ quy mô công trình nhỏ hộ gia đình đến quy mô công trình vừa và lớn tạo nguồn năng lượng sạch; cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

Mục tiêu cụ thể:

(i) Sử dụng tối thiểu 70% lượng chất thải chăn nuôi làm phân bón hữu cơ;

(ii) Sử dụng tối thiểu 80% lượng khí ga (khí mê tan) sinh ra từ các hầm khí sinh học cho mục đích dân sinh;

(iii) Giảm thời gian lao động hàng ngày của phụ nữ và trẻ em xuống từ 1,8 – 2,0 giờ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2018

Trong năm 2018, với sự nỗ lực của Ban QLDA Trung ương và các Ban QLDA tỉnh, cùng với sự hỗ trợ hiệu quả của các cơ quan quản lý, Dự án đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Cụ thể như sau:

2.1. Hợp phần 1 – Quản lý chất thải chăn nuôi

2.1.1. Tiểu hợp phần 1.1: Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi và thị trường các bon

2.1.1.1. Hoạt động 1: Tiêu chuẩn hoá và phổ biến gói thiết kế cho quản lý chuỗi giá trị khí sinh học.

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ kinh phí để: (i) xây dựng các hướng dẫn, tiêu chuẩn về công trình khí sinh học quy mô nhỏ và vừa; (ii) tập huấn và thông tin tuyên truyền về xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ khí sinh học và các công nghệ tiên tiến khác nhằm sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón hữu cơ, nuôi giun quế.

b. Các hoạt động đã thực hiện trong năm 2018:

Dự án đã thực hiện 287 lớp tập huấn về hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng công trình KSH cho 7.860 hộ nông dân có đơn đăng ký xây dựng, lắp đặt các công trình quy mô nhỏ, trong đó 3.144 người được đào tạo là nữ, 943 người là dân tộc thiểu số (*Chi tiết lớp tập huấn tại Phụ lục 1*).

Ban QLDA Trung ương tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về Hướng đi mới trong xử lý môi trường chăn nuôi, bao gồm: (i) phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng như đài truyền hình (VTV1, VTC16, Truyền hình Nhân Dân, các đài truyền hình địa phương, các cơ quan báo chí), thực hiện các phóng sự, bài viết tuyên truyền về hiệu quả mô hình của dự án cũng như trao đổi về chính sách trong quản lý chất thải chăn nuôi; (ii) phối hợp với Đảng ủy Bộ NN & PTNT và Văn phòng nông thôn mới Trung ương tổ chức 03 hội nghị tuyên truyền về công nghệ xử lý chất thải và sản xuất phân bón hữu cơ theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững; (iii) phối hợp với Cục chăn nuôi tổ chức các cuộc hội thảo và tham gia góp ý hoàn thiện Luật chăn nuôi; (iv) tăng cường hiệu quả hoạt động quảng bá, thông tin tuyên truyền trên website của Dự án (<http://www.lcasp.org.vn>);

Các Ban QLDA tỉnh tiếp tục thực hiện các chương trình truyền thông bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm tuyên truyền và phổ biến những thông tin về xử lý môi trường chăn nuôi và yêu cầu của dự án đến người dân, cụ thể: (i) in tờ rơi, áp phích tuyên truyền về dự án, về công nghệ, quản lý và cách vận hành công trình khí sinh học; (ii) làm pano giới thiệu về dự án tại các xã, thôn bản; (iii)

tuyên truyền trên đài phát thanh các tỉnh, huyện và loa truyền thanh tại các xã, thôn, bản; (iv) xây dựng phóng sự, tọa đàm trên Đài truyền hình tỉnh (Lào Cai, Sơn La, Phú Thọ, Bắc Giang, Nam Định, Hà Tĩnh, Bình Định, Tiền Giang, Bến Tre, Sóc Trăng);

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2018:

CPMU đã hoàn thiện các hướng dẫn về yêu cầu kỹ thuật và môi trường cho: (i) công trình KSH quy mô nhỏ dạng xây và composite; (ii) công trình KSH quy mô vừa dạng xây và phủ bạt HDPE; (iii) công trình KSH quy mô lớn dạng HDPE. CPMU cũng đã biên soạn 03 sổ tay hướng dẫn về (i) “Sổ tay vận hành và bảo dưỡng công trình KSH quy mô vừa và lớn công nghệ hồ phủ bạt HDPE”; (ii) “Sổ tay xây dựng và lắp đặt công trình KSH quy mô vừa và lớn công nghệ hồ phủ bạt HDPE”; (iii) “Sổ tay vận hành và bảo dưỡng công trình KSH quy mô nhỏ”. Các hướng dẫn và sổ tay này đã được ban hành và cung cấp rộng rãi cho người dân tại 10 tỉnh tham gia dự án.

Dự án đã xây dựng các hướng dẫn về: (i) hỗ trợ tài chính mức 5 triệu đồng/ công trình KSH cho các đối tượng nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ trụ cột gia đình; (ii) các tiêu chuẩn kỹ thuật cho công trình KSH quy mô vừa với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ công trình.

Các Ban QLDA tỉnh đã tổ chức 2.284 lớp tập huấn về hướng dẫn vận hành, an toàn, bảo dưỡng công trình khí sinh học cho 62.992 hộ nông dân có đơn đăng ký xây dựng, lắp đặt các công trình KSH quy mô nhỏ, trong đó 23.696 người là nữ, 4.955 người là dân tộc thiểu số.

2.1.1.2. Hoạt động 2: Tăng cường năng lực cho các cơ quan có liên quan nhằm giám sát các công trình khí sinh học đã xây dựng.

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ kinh phí để: (i) tăng cường năng lực giám sát môi trường chăn nuôi và KSH cho các đơn vị có liên quan ở cấp trung ương và ở cấp tỉnh; (ii) kiểm tra tối thiểu 10% các công trình KSH đã được dự án hỗ trợ và đánh giá mức độ cải thiện về môi trường.

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2018:

Dự án đã thực hiện tăng cường năng lực trang thiết bị giám sát môi trường chăn nuôi cho 10 tỉnh tham gia dự án và các đơn vị có liên quan ở trung ương (Cục Chăn nuôi, Viện Môi trường Nông nghiệp và viện Chăn nuôi).

Ban QLDA Trung ương và các Ban QLDA tỉnh đã phối hợp đi kiểm tra 2.914 công trình KSH quy mô nhỏ, 37 công trình quy mô vừa.

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2018:

Lũy kế từ đầu dự án, đã có 8.998 công trình KSH quy mô nhỏ, 43 công trình quy mô vừa, 02 công trình lớn được kiểm tra (theo phương pháp lựa chọn kiểm tra ngẫu nhiên các công trình dựa trên cơ sở dữ liệu các tỉnh cập nhật). Tỉnh Bình Định vẫn chưa thực hiện kiểm tra đúng chỉ tiêu quy định (*Chi tiết tại Phụ lục 3*).

Kết quả kiểm tra cho thấy hầu hết các công trình đều hoạt động tốt, chưa phát hiện thấy công trình nào hư hỏng đến thời điểm hiện tại, người dân có ý thức quản lý và bảo dưỡng công trình theo đúng hướng dẫn.

2.1.1.3. Hoạt động 3: Hỗ trợ tài chính cho các công trình khí sinh học

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ tài chính để: (i) xây lắp 65.000 công trình KSH quy mô nhỏ (trong đó có 51.000 công trình hỗ trợ mức 3 triệu đồng và 14.000 công trình hỗ trợ mức 5 triệu đồng); (ii) 40 công trình quy mô vừa với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ công trình.

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2018:

Ban QLDA các tỉnh đã hỗ trợ tài chính cho xây lắp 6.580 công trình KSH quy mô nhỏ, 34 công trình quy mô vừa (*Chi tiết tại Phụ lục 2*).

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2018:

Lũy kế từ đầu dự án đến hết năm 2018, toàn dự án đã hỗ trợ xây lắp được 56.550 công trình quy mô nhỏ, 55 công trình quy mô vừa và 02 công trình quy mô lớn.

2.1.1.4. Hoạt động 4: Nâng cao năng lực thiết kế, xây dựng, và giám sát các công trình khí sinh học.

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ kinh phí để: (i) tập huấn và cấp chứng nhận cho các thợ xây và nhà thầu có năng lực nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng/ lắp đặt các công trình KSH tại 10 tỉnh; (ii) hỗ trợ hình thành đội ngũ kỹ thuật viên có trình độ nhằm đảm bảo nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân đăng ký tham gia dự án.

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2018:

Năm 2018, Ban quản lý dự án tỉnh Sơn La đã tổ chức 01 lớp tập huấn cho Kỹ thuật viên với 22 người và Tỉnh Bình định tổ chức 01 lớp tập huấn cho thợ xây với 31 người tham gia. Không có nữ tham gia 02 lớp tập huấn trên.

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2018:

Dự án tổ chức 37 lớp tập huấn kỹ thuật viên với sự tham gia của 1.264 người, trong đó 295 người là nữ, 18 lớp tập huấn thợ xây với sự tham gia của 495 người, trong đó 28 người là nữ.

2.1.1.5. Hoạt động 5: Tăng cường năng lực và cung cấp trang thiết bị cho các đơn vị liên quan để quản lý cơ sở dữ liệu khí sinh học quốc gia.

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ kinh phí để: (i) xây dựng hệ thống giám sát từ trung ương đến địa phương để theo dõi lượng giảm phát thải khí nhà kính hàng năm; (ii) cung cấp tư vấn về cơ chế vận hành thị trường các bon trong lĩnh vực KSH.

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2018:

Các Ban QLDA tỉnh tiếp tục cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý phát triển KSH và bán tín chỉ các bon cho Chương trình Khí sinh học Quốc gia (NBP) để khai thác phục vụ mục tiêu quản lý và bán tín chỉ các bon.

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2018:

Dự án đã hỗ trợ Chương trình Khí sinh học Quốc gia (NBP) xây dựng phần mềm để giám sát cơ sở dữ liệu về giảm phát thải khí nhà kính hàng năm từ trung ương đến địa phương. Tính đến hết năm 2018, đã có 41.520 công trình KSH của dự án được cập nhật vào phần mềm, trong đó 29.162 công trình được nhập cả tên vợ và chồng.

Dự án đã tổ chức 02 cuộc hội thảo nhằm định hướng cho hoạt động quản lý phát triển KSH và bán tín chỉ các bon của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2.2. Hợp phần 2 – Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án cung cấp vốn vay tín dụng cho doanh nghiệp và nông dân (có ưu tiên về giới) tại các tỉnh tham gia dự án thông qua các định chế tài chính đạt tiêu chuẩn nhằm phát triển cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học – bao gồm cho vay từ khâu xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống thu gom chất thải, bể KSH, các thiết bị sử dụng triệt để khí ga (bếp, máy phát điện, lò sấy, đường ống dẫn khí ga,...), các hạng mục xử lý môi trường (bể lắng, bể lọc, xử lý phân thừa,...), các hạng mục lưu giữ, vận chuyển chất cặn thải để sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ, các hạng mục vệ sinh để tránh lây lan bệnh tật cho vật nuôi. Các định chế tài chính (Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT và Ngân hàng Hợp tác xã) sẽ vay lại nguồn vốn ADB từ Bộ Tài chính và cho người dân vay với lãi suất ưu đãi giảm 10% so với lãi suất thị trường.

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2018:

Tiến độ thực hiện của hợp phần này rất chậm. Trong năm 2018, 02 ngân hàng tham gia dự án là Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT (VBARD) và Ngân hàng Hợp tác (CoopBank) mới giải ngân được 45 khoản vay với số vốn khoảng 2.60 tỷ đồng.

Ngày 29/6/2018, Bộ NN & PTNT đã gửi yêu cầu hủy bỏ một phần vốn tín dụng đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 04/9/2018, MPI đã đệ trình Văn phòng Chính phủ đề xuất việc hủy bỏ kinh phí hợp phần tín dụng và Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận hủy bỏ 30 triệu USD vốn tín dụng của dự án.

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2018:

Lũy kế từ đầu dự án đến nay, 02 định chế tài chính chỉ giải ngân được 411 khoản vay với số vốn khoảng 19.9 tỷ đồng, trong đó, ngân hàng NN & PTNT giải ngân được 250 khoản vay với 7.6 tỷ đồng, ngân hàng Hợp tác xã giải ngân được 161 khoản vay với 12.3 tỷ đồng.

2.3. Hợp phần 3 – Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp

2.3.1. Hoạt động 1: *Sử dụng các nghiên cứu bao gồm than sinh học và các chất thải nông nghiệp khác như phân bón hữu cơ, áp dụng các ứng dụng nông nghiệp phát thải KNK thấp tạo ra năng lượng sinh học, quản lý chất thải thủy sản và các ứng dụng quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác (CSAWMP).*

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ kinh phí để: (i) thực hiện 07 gói thầu nghiên cứu về công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP) nhằm thúc đẩy xử lý chất thải nông nghiệp làm phân bón hữu cơ, năng lượng sinh học và các hoạt động tạo thu nhập khác (bao gồm sản xuất KSH, sử dụng khí ga sinh ra, sản xuất phân bón hữu cơ và thử nghiệm sử dụng phân bón hữu cơ trên các loại cây trồng của 10 tỉnh tham gia dự án). Các nghiên cứu về công nghệ sử dụng phế phụ phẩm trồng trọt và nuôi trồng thủy sản làm phân bón hữu cơ và năng lượng sinh học và các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính khác cũng được xem xét thực hiện trong dự án.

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2018:

Dự án đã hoàn thành trao thầu 5 gói thầu nghiên cứu bao gồm: gói thầu số 27 “Nghiên cứu về công nghệ chăn nuôi lợn tiết kiệm nước”; gói thầu số 28 “Nghiên cứu sử dụng hiệu quả chất thải trồng trọt theo chuỗi giá trị”; và gói thầu số 29 “Nghiên cứu xử lý bùn thải nuôi tôm ở các ao nuôi tôm”; gói thầu số 42: “Thí điểm công nghệ sản xuất phân hữu cơ khoáng chuyên dùng cho cây trồng chủ lực từ chất thải chăn nuôi và phụ phẩm khí sinh học ở Việt Nam”; gói thầu số 43: “Xây dựng hệ thống sản xuất và cung ứng chế phẩm vi sinh vật chuyển hóa chất hữu cơ phục vụ xử lý chất thải chăn nuôi, chất thải sau khí sinh học và chất thải trồng trọt tại Việt Nam để sản xuất phân hữu cơ”.

Các gói thầu nghiên cứu đang tích cực triển khai thực hiện và một số gói thầu đã đạt được kết quả ban đầu khả quan như gói thầu số 26, 27 và 29.

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2018:

Ban QLDA Trung ương đã tiến hành khảo sát và hoàn tất xây dựng Chiến lược nghiên cứu về công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp. Trên cơ sở đó, 07 gói thầu nghiên cứu đã được hình thành và được ADB và Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt.

Phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường triển khai giám sát thực hiện 07 gói thầu tư vấn nghiên cứu của dự án bao gồm: 02 gói thầu nghiên cứu đã trao vào năm 2017 là gói thầu số 25: “Nghiên cứu sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi và phụ phẩm khí sinh học theo chuỗi giá trị”, gói 26: “Nghiên cứu cải thiện công nghệ khí sinh học và sử dụng hiệu quả khí sinh học theo chuỗi giá trị”; và các gói thầu số 27, 28, 29, 42, 43 trao vào năm 2018 như đã nêu trên.

2.3.2. Hoạt động 2: *Xây dựng các mô hình quản lý chất thải chăn nuôi để sản xuất nông nghiệp và giảm phát thải khí nhà kính.*

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ kinh phí để thực hiện 06 loại mô hình liên quan đến quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi nhằm đạt được các mục tiêu của dự án bao gồm: (i) sử dụng tối thiểu 70% lượng chất thải chăn nuôi để làm phân bón hữu cơ; (ii) sử dụng tối thiểu 80% lượng khí ga sinh ra từ các công trình khí sinh học cho các mục đích dân sinh; (iii) giảm thời gian lao động hàng ngày của phụ nữ và trẻ em xuống từ 1,8 – 2 giờ.

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2018:

Tiếp tục trao thầu các gói thầu số 35 (Mô hình trình diễn máy tách phân di động để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ ở quy mô hộ gia đình tại Bắc Giang và Bình Định), gói thầu số 37 (Mô hình trình diễn cung cấp hệ thống xử lý nước thải sau hầm KSH làm phân bón cho cây trồng tại Bình Định và Sóc Trăng) và gói thầu số 38 (Mô hình sử dụng phân bò để nuôi giun quế tại Sóc Trăng).

d. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2018:

Ban QLDA Trung ương đã hỗ trợ các Ban QLDA tỉnh giám sát thực hiện các gói thầu mô hình đã trao thầu trong năm 2017 và 2018. Cụ thể như sau:

- (i) Gói thầu số 32 và 33 (Mô hình sử dụng hệ thống máy tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ) được triển khai trên 09 tỉnh là Bắc Giang (08 hệ thống), Bình Định (04 hệ thống), Hà Tĩnh (02 hệ thống), Nam Định (07 hệ thống), Sơn La (05 hệ thống), Tiền Giang (05 hệ thống), Phú Thọ (13 hệ thống), Bến Tre (05 hệ thống), Sóc Trăng (01 hệ thống). Đến thời điểm hiện tại, các hệ thống máy tách phân đã và đang hoạt động rất hiệu quả, mô hình đã góp phần rất lớn trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường, làm thay đổi hành vi, nhận thức của người chăn nuôi, bước đầu góp phần giải quyết nhu cầu phân bón tại chỗ và tăng thêm thu nhập cho các chủ trang trại tham gia dự án.
- (ii) Gói thầu số 34 (Mô hình quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi thông qua ứng dụng công nghệ máy phát điện khí sinh học và máy tách phân) được triển khai trên 04 tỉnh là Hà Tĩnh (01 hệ thống), Bình Định (01 hệ thống), Nam Định (02 hệ thống), Sóc Trăng (01 hệ thống). Hiện tại, các hệ thống máy đang hoạt động tốt. Đối với mô hình này, các chủ trang trại chủ yếu dùng máy tách phân để giải quyết vấn đề về môi trường, máy phát điện chỉ chạy vào giờ cao điểm, tuy nhiên hiệu quả của mô hình mang lại là rất thiết thực.
- (iii) Gói thầu số 35 (Mô hình sử dụng hệ thống máy tách phân di động để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ quy mô nhóm hộ): triển khai trên 02 tỉnh là Bắc Giang (02 hệ thống), Bình Định (01 hệ thống). Các hệ thống máy tách phân di động đã được bàn giao và đang hoạt động thử nghiệm.
- (iv) Gói thầu số 36 (Mô hình sử dụng máy phát điện khí sinh học): được triển khai trên 04 tỉnh là Lào Cai (21 máy quy mô nhỏ), Bình Định (01 máy 60 KVA), Sóc Trăng (01 máy 40 KVA), Tiền Giang (02

máy 10 KVA và 40 KVA). Đến thời điểm hiện tại, các hệ thống máy đã được bàn giao và đang hoạt động tốt, đem lại hiệu quả cao và giảm chi phí tiền điện cho các chủ trang trại. Đối với mô hình sử dụng hệ thống máy phát điện quy mô nhỏ, mô hình bước đầu góp phần giải quyết hiện tượng thừa khí ga, phần lớn lượng điện sinh ra từ máy phát điện KSH thuộc gói thầu này dùng để chạy máy bơm, bình nóng lạnh, thắp sáng cho khu chăn nuôi và sưởi ấm cho đàn gia súc, gia cầm cho các chủ hộ, từ đó tăng thêm thu nhập cho các chủ hộ thông qua tiết kiệm tiền điện hàng tháng. Đặc biệt, ở những địa bàn thiếu điện, vùng sâu, vùng xa, mô hình càng phát huy hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội

- (v) Gói thầu số 37 (Mô hình sử dụng nước thải công trình KSH làm phân bón cho cây trồng): triển khai trên 02 tỉnh là Bình Định (71 hệ thống), Sóc Trăng (25 hệ thống). Các hệ thống máy đang hoạt động rất tốt. Nhìn chung việc sử dụng nước xả bể KSH ứng dụng ở các vùng trồng cỏ nuôi bò hay cây ăn quả rất hiệu quả, người dân rất phấn khởi khi được tham gia mô hình.
- (vi) Gói thầu số 38 (Mô hình sử dụng phân bò để nuôi giun quế tại Sóc Trăng): Gói thầu quy mô nhỏ nên không thực hiện tạm ứng, hiện nhà thầu đang tích cực triển khai thực hiện.

2.3.3. Hoạt động 3: *Tăng cường năng lực cho cán bộ nghiên cứu, khuyến nông và nông dân, bao gồm chương trình đào tạo dạy nghề, các khóa đào tạo tập huấn và tham quan học tập về công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP)*

a. Nội dung chính của hoạt động:

Trên cơ sở đánh giá nhu cầu đào tạo, tập huấn, Dự án đã hỗ trợ để: (i) tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn và tham quan học tập trong nước và nước ngoài cho khoảng 700 cán bộ quản lý, nghiên cứu của Bộ NN&PTNT, cán bộ khuyến nông của 10 tỉnh tham gia dự án; tổ chức tập huấn cho khoảng 7.000 nông dân về công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (ii) xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình và đề cương bài giảng, in ấn tài liệu đào tạo về công nghệ sử dụng chất thải nông nghiệp làm phân bón hữu cơ, năng lượng sinh học, công nghệ giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp).

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2018:

Ban QLDA Trung ương đã phối hợp với Cục Kinh tế hợp tác triển khai thực hiện và đã được Bộ NN & PTNT phê duyệt 08 chương trình đào tạo nghề cho nông dân về quản lý chất thải chăn nuôi (Sản xuất phân bón hữu cơ sinh học từ phế phụ phẩm trồng trọt và bã thải bể KSH; Lắp đặt và sử dụng thiết bị KSH; Nuôi trùn quế từ phân gia súc, gia cầm và bã thải nông nghiệp; Sản xuất phân hữu cơ sinh học từ phế thải chăn nuôi dạng rắn; Sản xuất phân hữu cơ sinh học từ phân trâu bò và bã bùn mía, Sản xuất thức ăn chăn nuôi từ phế phụ phẩm trồng trọt; Sản xuất đệm lót sinh học cho chăn nuôi; Sản xuất than sinh học từ phế phụ phẩm trồng trọt).

Các Ban QLDA tỉnh đã tổ chức 140 lớp tập huấn cho cán bộ khuyến nông, nông dân với nội dung nói trên với tổng số người tham dự 4.592 người, trong đó có 1.720 người là nữ, (*Chi tiết tại Phụ lục 1*)

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2018:

Lũy kế từ đầu dự án đến hết năm 2018, toàn dự án đã tổ chức 640 lớp tập huấn với tổng số 20.978 người tham dự, trong đó có 9.324 người là nữ.

2.3.4. Hoạt động 4: Thiết lập hệ thống thông tin (thư viện điện tử, bộ bản đồ các vùng sinh thái nông nghiệp và hệ thống học tập từ xa) để phổ biến kiến thức và nhận thức về công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP)

a. Nội dung chính của hoạt động:

Dự án hỗ trợ kinh phí để: (i) xây dựng hệ thống thông tin (thư viện điện tử và đào tạo từ xa), nhằm hỗ trợ chia sẻ thông tin chuyên gia công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp cho nông dân và doanh nghiệp áp dụng vào sản xuất tại 10 tỉnh tham gia dự án. Hệ thống sẽ có sự tham gia của các đơn vị nghiên cứu có liên quan nhằm hỗ trợ các tỉnh và thúc đẩy chia sẻ thông tin về các công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp giữa các đơn vị nghiên cứu thuộc Bộ NN & PTNT; (ii) nâng cấp và cập nhật bộ bản đồ về tiềm năng và hiện trạng sử dụng chất thải nông nghiệp để sản xuất năng lượng tái tạo và phân bón hữu cơ nhằm phục vụ công tác quy hoạch quản lý chất thải nông nghiệp

b. Các hoạt động đã thực hiện năm 2018:

Ban QLDA Trung ương đã trao thầu gói thầu số 22 (Thiết bị thư viện điện tử) để lắp đặt tại Trung tâm Tin học và Thống kê của Bộ NN & PTNT.

c. Lũy kế các hoạt động đã thực hiện từ đầu dự án đến 31/12/2018:

Ban QLDA Trung ương đã phối hợp với các đơn vị có liên quan giám sát thực hiện: (i) Gói thầu số 23 (Tư vấn thiết kế, cài đặt, giám sát và chuyển giao công nghệ cho hệ thống thư viện điện tử): Hiện tại nhà thầu đã xây dựng xong phần mềm, đang cài đặt và chạy thử trên hệ thống máy của Trung tâm Tin học và Thống kê của Bộ NN&PTNT; (ii) Hoàn thành cơ sở dữ liệu bản đồ về tiềm năng và hiện trạng sử dụng chất thải nông nghiệp để sản xuất năng lượng tái tạo và phân bón hữu cơ: Hiện tại cơ sở dữ liệu vẫn đang tiếp tục được cập nhật và sử dụng phục vụ công tác quy hoạch và quản lý chất thải nông nghiệp bao gồm trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản.

2.4. Hợp phần 4 – Quản lý dự án

Các hoạt động đã thực hiện trong năm 2018:

Từ ngày 04-16/3/2018, ngày 14-26/9/2018, Đoàn đánh giá dự án của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã thực hiện 02 Đoàn đánh giá dự án. Đoàn ADB đã đi kiểm tra một số địa bàn thuộc các tỉnh tham gia dự án và có những nhận xét tốt về tình hình thực hiện các hoạt động của dự án, đặc biệt là hiệu quả của công trình KSH quy mô nhỏ và các công nghệ quản lý chất thải chăn nuôi được ứng dụng trong dự án.

Ban QLDA Trung ương tiếp tục tổ chức các đoàn đi công tác tại 10 tỉnh tham gia dự án để hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tỉnh triển khai thực hiện dự án.

Ban QLDA Trung ương đã phối hợp cùng với tư vấn đào tạo tổ chức đoàn đi các tỉnh phía Bắc đánh giá tác động đào tạo của dự án đến nhận thức và thực hành áp dụng trong chăn nuôi. Kết quả cho thấy, người dân đã dần nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải chăn nuôi, áp dụng các công nghệ quản lý chất thải chăn nuôi để tạo được thu nhập và bảo vệ môi trường bền vững.

Để các hoạt động của dự án đạt được các tiêu chí về giới và dân tộc thiểu số, Ban QLDA Trung ương và các Ban QLDA tỉnh đã cử các cán bộ phụ trách về vấn đề này, tư vấn về giới và dân tộc thiểu số đã được huy động để hỗ trợ dự án trong các cuộc tập huấn tuyên truyền tại các tỉnh tham gia dự án.

Hệ thống giám sát, đánh giá dự án đã được xây dựng một cách khoa học nhằm theo dõi, phản ánh đầy đủ tình hình dự án và đề xuất các điều chỉnh thích hợp khi cần. Theo mẫu báo cáo Ban QLDA Trung ương xây dựng và hướng dẫn các Ban QLDA tỉnh sử dụng, hàng quý, năm, các PPMU gửi báo cáo tiến độ cho Ban QLDA Trung ương để tổng hợp và báo cáo tiến độ của toàn dự án theo yêu cầu của Chính phủ và ADB.

Để nâng cao trình độ của cán bộ kế toán dự án đáp ứng yêu cầu cập nhật các thay đổi về quy định tài chính của Chính phủ Việt Nam và hệ thống giải ngân của ADB Hà nội, ngày 17-18/12/2018, tại Hà nội, Ban QLDA Trung ương đã tổ 01 cuộc tập huấn kế toán cho các cán bộ kế toán của 10 tỉnh tham gia dự án.

Tiến độ thực hiện các gói thầu tư vấn:

- (i) Tính đến 31/12/2018, gói thầu số 1 - Tư vấn Quản lý thực hiện dự án đã kết thúc. Với ý kiến đồng thuận của ADB, dự án đã phối với công ty tư vấn để làm thủ tục kéo dài hợp đồng đến 30/6/2019;
- (ii) Gói thầu số 24 - Kiểm tra thực tế chuỗi công trình khí sinh học đã hoàn thành.
- (iii) Gói thầu số 31 - Kiểm toán dự án (Giai đoạn 2): Ban QLDA Trung ương đã tiến hành thanh toán đợt 1.

Gia hạn thời gian thực hiện dự án:

- Theo thiết kế, năm 2017 là năm bản lề và dự án sẽ có số lượng vốn giải ngân cao nhất. Dự án đã đăng ký kế hoạch vốn năm 2017 là 96,4 tỷ đồng. Tuy nhiên, thời điểm giao vốn (tháng 01/2017), dự án chỉ được giao 7,7 tỷ đồng, thiếu 88,7 tỷ đồng so với kế hoạch đã đăng ký. Chính vì vậy, dự án phải giãn tiến độ thực hiện các hoạt động (đặc biệt là các gói thầu có giá trị lớn).
- Để hoàn thành các hoạt động đang thực hiện (các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng, thử nghiệm hiệu quả các mô hình trình diễn), tại Biên bản Đánh giá của ADB và Ngân hàng Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính ngày 11-12 tháng 4 năm 2018 về tình hình thực hiện các

dự án ODA (Tripartite Portfolio Review Mission - TPRM), và tại Biên bản ghi nhớ Đoàn đánh giá ADB về Dự án Hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp từ ngày 14-26 tháng 9 năm 2018, nhà tài trợ đều có ý kiến đồng thuận về gia hạn Hiệp định dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp và kiến nghị Chính phủ có văn bản chính thức đề nhà tài trợ tiến hành các hoạt động gia hạn.

- Các tỉnh tham gia dự án cũng đã có văn bản kiến nghị gia hạn dự án đến 30/6/2020 để đảm bảo hiệu quả của dự án đúng theo thiết kế.
- Hiện nay, Bộ Tài chính đã có văn bản xin ý kiến các Bộ (Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch đầu tư) để tổng hợp trình Chính phủ phê duyệt. ADB đã có Biên bản ghi nhớ yêu cầu Chính phủ Việt Nam gửi yêu cầu gia hạn dự án cho ADB trước 31/3/2019.

III. HIỆU QUẢ THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG:

3.1. Hợp phần 1 – Quản lý chất thải chăn nuôi

Có thể nói các hoạt động của dự án đã đem lại sự thay đổi lớn về nhận thức và hành vi của người chăn nuôi trong công tác xử lý môi trường chăn nuôi, giúp người dân nhận thức đúng hơn về tiềm năng và hạn chế của các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi hiện hành, giới thiệu cho người dân những công nghệ mới vừa giúp xử lý môi trường hiệu quả, vừa đem lại tỷ suất lợi nhuận cao cho người dân. Các hoạt động của dự án cũng đã bước đầu có tác động thay đổi chính sách quản lý môi trường chăn nuôi theo hướng phù hợp hơn với thực tế sản xuất, tạo điều kiện để tái sử dụng nguồn tài nguyên chất thải chăn nuôi, qua đó tạo động lực lợi nhuận để người chăn nuôi đầu tư xử lý môi trường hiệu quả và bền vững.

Dự án đã chuẩn hóa và ban hành nhiều tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về vận hành an toàn, bảo dưỡng các công trình KSH quy mô nhỏ, vừa và lớn, các biện pháp chống quá tải hầm KSH và sử dụng hết khí ga sinh ra, ... nhằm nâng cao nhận thức, hỗ trợ nông dân áp dụng các công nghệ xử lý môi trường hiệu quả.

Các hoạt động tập huấn kỹ thuật, thông tin tuyên truyền cho người dân về vận hành, bảo dưỡng công trình KSH quy mô nhỏ đúng cách đã đem lại hiệu quả thiết thực về giảm ô nhiễm môi trường. Cho đến nay, các tỉnh tham gia dự án chưa xảy ra trường hợp nào về mất an toàn trong vận hành, bảo dưỡng các công trình khí sinh học.

Việc hỗ trợ xây lắp các công trình KSH quy mô nhỏ đã đem lại hiệu quả cao về đầu tư, xã hội và môi trường: (i) sử dụng khí ga làm giảm chi phí mua nhiên liệu đun nấu; (ii) giảm thời gian kiếm củi và đun nấu cho phụ nữ và trẻ em; (iii) tạo môi trường sạch sẽ, không mùi hôi, không khói bụi.

Các công trình KSH quy mô vừa do dự án hỗ trợ bước đầu được các tỉnh đánh giá cao về hiệu quả kinh tế và môi trường do người dân có thể sử dụng hết khí ga cho đun nấu và các hoạt động tạo thu nhập khác, sử dụng hết nước xả sau bioga để tưới cho cây trồng, không xả nước thải chăn nuôi xuống nguồn nước mặt hoặc làm ô nhiễm nguồn nước ngầm.

Các lớp tập huấn về công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi khác để tránh quá tải bể KSH và xả khí ga thừa ra ngoài môi trường như ủ phân compost, nuôi trùn quế, chia sẻ khí ga cộng đồng, nấu cám, nấu rượu, tưới ẩm cho lợn nái và lợn con, phát điện, ..., là những biện pháp đem hiệu quả tốt về cải thiện môi trường và tạo thêm thu nhập cho người dân.

Các hoạt động thông tin tuyên truyền của dự án đã bước đầu giúp người dân và các cấp chính quyền nhận thức được nhu cầu chuyển hướng trong xử lý môi trường chăn nuôi quy mô trang trại từ dựa chủ yếu vào công nghệ KSH như hiện nay sang áp dụng các công nghệ chế biến chất thải rắn làm phân bón hữu cơ và xử lý chất thải lỏng làm nguồn nước tưới cho cây trồng.

Các hoạt động của Dự án phối hợp với Cục Chăn nuôi trong quá trình xây dựng các điều khoản liên quan đến xử lý môi trường trong Luật Chăn nuôi đã đem lại kết quả tốt: Luật Chăn nuôi mới ban hành đã có các quy định để tạo hành lang pháp lý cho việc áp dụng các công nghệ nhằm tái sử dụng nguồn tài nguyên chất thải chăn nuôi cho mục đích trồng trọt.

3.2. Hợp phần 2 – Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học

Chưa có tác động rõ rệt do tiến độ thực hiện còn rất chậm.

3.3. Hợp phần 3 – Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp

Các hoạt động điều tra, xây dựng chiến lược nghiên cứu của dự án đã giúp nhận diện chính xác nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường chăn nuôi, những tồn tại, hạn chế của các công nghệ xử lý môi trường chăn nuôi do các hộ chăn nuôi và chủ trang trại đang áp dụng. Dự án đã có những phát hiện quan trọng sau: (i) Chất thải rắn không phải là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường do nước ta có ngành trồng trọt phát triển, nhu cầu phân chuồng cho trồng trọt rất cao; (ii) Chất thải lỏng là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường do khó thu gom, chỉ còn các xả thải trực tiếp ra môi trường hoặc gián tiếp thông qua các hầm KSH – Việc sử dụng nhiều nước trong chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi lợn thịt là nguyên nhân chủ yếu gây ra hiện trạng ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng ở nhiều địa phương ở nước ta như hiện nay; (iii) Trong các loại hình chăn nuôi, chăn nuôi lợn thịt hiện đang gây ô nhiễm nhất do sử dụng quá nhiều nước; (iv) Các công trình KSH quy mô nhỏ đem lại hiệu quả tốt trong khi các công trình KSH quy mô lớn còn nhiều hạn chế do khí ga sinh ra không sử dụng, có hàm KSH vẫn không đáp ứng được QCVN 62, dẫn đến nhiều chủ trang trại không có động lực vận hành, bảo dưỡng các công trình KSH lớn đúng cách; (v) Các chủ trang trại đang áp dụng các công nghệ rất tốn kém để xử lý chất thải lỏng đáp ứng QCVN 62 để xả xuống nguồn nước mặt trong khi các công nghệ với chi phí thấp hơn nhiều để xử lý nước thải chăn nuôi làm nguồn nước tưới cho cây trồng lại chưa được quan tâm áp dụng; (vi) Công nghệ xử lý môi trường chăn nuôi thường có tỷ suất lợi nhuận thấp hơn các ngành sản xuất nên cần được Chính phủ quan tâm hỗ trợ để tạo động lực cho người dân đầu tư xử lý môi trường hiệu quả và bền vững.

Trên cơ sở những phát hiện trên trong Chiến lược nghiên cứu của dự án, Dự án đã đề xuất các gói thầu nghiên cứu và các mô hình thí điểm nhằm giới thiệu các công nghệ mới giúp giải quyết những tồn tại, hạn chế của các biện pháp

xử lý môi trường chăn nuôi hiện tại. Một số hoạt động nghiên cứu và mô hình thí điểm do dự án thực hiện bước đầu cho thấy hướng đi mới trong xử lý toàn diện môi trường chăn nuôi do dự án đề xuất là đúng đắn.

Các mô hình máy tách ép phân của dự án bước đầu đã cho hiệu quả rất khả quan. Một số hộ dân có quy mô trên 2.000 lợn đã có thể chạy máy 2 lần một tuần, mỗi lần chạy 2-3 giờ, mỗi lần chạy thu được khoảng 1 tấn phân ép, có giá bán từ 800 ngàn đến 1 triệu đồng. Các chủ trang trại có thu nhập bổ sung hàng chục triệu đồng/ tháng từ áp dụng công nghệ này. Nhiều trang trại chăn nuôi lợn sau khi được trang bị máy tách ép phân của dự án đã giải quyết được vấn đề ô nhiễm môi trường trên địa bàn và mạnh dạn mở rộng quy mô chăn nuôi (trang trại ông Trần Nghệ Tĩnh ở xã Cẩm Thăng, huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh tăng quy mô chăn nuôi từ 3000 lợn lên 7000 lợn, trang trại ông Trần Phạm Công ở Châu Thành, Sóc Trăng đã mở rộng quy mô chăn nuôi từ 3.000 lợn thịt lên 6.000 lợn, ...). Những hiệu quả ban đầu của các mô hình máy tách ép phân của dự án đã có những tác động đến chính sách: (i) Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã đề xuất hỗ trợ 70% chi phí thiết bị cho các trang trại chăn nuôi có nhu cầu trang bị máy tách ép phân, trong khi chờ HĐND tỉnh thông qua, UBND huyện Can Lộc đã có chính sách hỗ trợ 150 triệu đồng cho các trang trại dự kiến trang bị máy tách ép phân để giảm tình trạng ô nhiễm môi trường chăn nuôi trên địa bàn; (ii) Việc yêu cầu các trang trại lớn phải đầu tư máy tách ép phân đã bắt đầu được xem xét khi đánh giá ĐTM của các trang trại chăn nuôi tại Bình Định.

Các mô hình sử dụng máy phát điện khí sinh học quy mô lớn lắp đặt ở những trang trại có nhu cầu sử dụng điện trên 30 triệu đồng/ tháng đều cho hiệu quả kinh tế cao. Cụ thể trang trại Huy Tuyết (hộ bà Trần Thị Tuyết) ở Bình Định sau gần 1 năm vận hành thử nghiệm máy phát điện khí sinh học 60 KVA đã phát được hơn 100.000 kWh điện vào giờ cao điểm, giá trị thu về khoảng 280 triệu đồng. Hơn nữa, nếu các trang trại sử dụng máy phát điện khí sinh học thì sẽ không phải đầu tư máy phát điện diesel dự phòng rất tốn kém và lãng phí (máy có giá trị cao nhưng chỉ sử dụng khi mất điện - hầu hết các trang trại đều phải đầu tư vài trăm triệu đồng một máy phát điện diesel nhưng chỉ chạy được vài trăm giờ một năm khi bị mất điện lưới). Do vậy, việc đầu tư máy phát điện khí sinh học còn mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều nếu tính cả chi phí tiết kiệm được từ cắt giảm đầu tư máy phát điện diesel dự phòng.

Các mô hình sử dụng nước xả sau bioga để tưới cho cây trồng bước đầu đã đem lại kết quả tốt. Nhiều chủ trang trại trồng trọt tiết kiệm được 70-100% tiền mua phân bón hóa học. Nước xả sau bioga được xử lý và pha loãng đúng cách đã giúp cây trồng sinh trưởng tốt, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, cải tạo đất.

Gói thầu số 27 về nghiên cứu Chăn nuôi lợn tiết kiệm nước đã bước đầu có kết quả khả quan - việc chăn nuôi lợn trên chuồng sàn và không sử dụng nước tắm lợn đã đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt (tiết kiệm lao động tắm lợn và dọn chuồng hàng ngày, tiết kiệm chi phí thuốc kháng sinh, lợn tăng trọng cao hơn 15%, chi phí bán phân hữu cơ, ... tính toán ban đầu cho thấy mô hình của dự án đã tăng thêm thu nhập cho chủ trang trại thêm 600.000 đồng/ đầu lợn tại các mô hình thử nghiệm ở Bắc Giang, Phú Thọ), hiệu quả môi trường rất tốt (hầu như

không còn nước thải chăn nuôi xả ra môi trường). Kết quả đạt được của gói thầu này cùng với thành công của các mô hình của dự án đã làm cơ sở để xây dựng và hình thành Chương trình quản lý chất thải chăn nuôi tổng hợp (IWM) nhằm giảm sử dụng nước trong chăn nuôi lợn, qua đó giúp giảm ô nhiễm môi trường và tăng cường khả năng thu gom và tái sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón hữu cơ.

IV. KẾT QUẢ GIẢI NGÂN NĂM 2018:

- Phần vốn Phi tín dụng:

Tổng số vốn dự án đã giải ngân (được xác nhận tại Kho bạc) trong năm 2018 đạt 182,75 tỷ đồng, (vốn ADB: 172,43 tỷ đồng, vốn CPVN: 10,32 tỷ đồng), tỷ lệ giải ngân của dự án 77,% so với kế hoạch được giao.

- Phần vốn tín dụng: trong năm 2018, 02 ngân hàng tham gia dự án là VBARD và CoopBank mới giải ngân được 2,60 tỷ đồng,

-Theo số liệu giải ngân vốn nước ngoài của ADB, Lũy kế từ đầu dự án đến 31/12/2018, phần vốn phi tín dụng đã giải ngân được 22,52 triệu USD, đạt 64% so với tổng vốn đầu tư (35,158 triệu USD), vốn tín dụng giải ngân 0,57 triệu USD, đạt 27,0% so với tổng vốn đầu tư (2,117 triệu USD).

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN NĂM 2018

STT		Kế hoạch vốn (triệu đồng)			Giải ngân (triệu đồng)		
		Tổng số	Vốn ADB	Vốn CPVN	Tổng số	Vốn ADB	Vốn CPVN
A	Phần vốn Phi tín dụng	238,739	228,000	10,739	182,747	172,426	10,321
I	<i>Ban QLDA Trung Ương</i>	<i>103,500</i>	<i>100,000</i>	<i>3,500</i>	<i>78,688</i>	<i>75,206</i>	<i>3,482</i>
II	<i>Ban QLDA các tỉnh</i>	<i>135,239</i>	<i>128,000</i>	<i>7,239</i>	<i>104,059</i>	<i>97,220</i>	<i>6,839</i>
1	Lào Cai	8,598	8,100	498	6,233	5,735	498
2	Sơn La	10,468	9,603	865	6,653	5,960	693
3	Phú Thọ	23,600	22,900	700	21,315	20,750	565
4	Bắc Giang	15,500	14,700	800	15,399	14,599	800
5	Nam Định	18,289	17,289	1,000	18,121	17,121	1,000
6	Hà Tĩnh	13,200	12,000	1,200	5,798	4,598	1,200
7	Bình Định	16,737	15,873	864	12,826	11,962	864
8	Bến Tre	5,969	5,522	447	4,583	4,172	411
9	Sóc Trăng	12,878	12,383	495	5,048	4,594	454
10	Tiền Giang	10,000	9,630	370	8,083	7,729	354

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2019:

5.1. Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi.

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền (phối hợp với các cơ quan truyền thông, Chương trình Nông thôn mới, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, ...) nhằm: (i) Thúc đẩy ứng dụng công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi để tránh quá tải công trình KSH quy mô nhỏ và vừa, tránh xả khí ga thừa ra môi trường; (ii) Thúc đẩy xây dựng các cơ chế chính sách về Chuỗi giá trị thu gom, sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ từ chất thải chăn nuôi; (iii) Xây dựng chương trình quản lý chất thải chăn nuôi tổng hợp (trên cơ sở chăn nuôi tiết kiệm nước, áp dụng các biện pháp quản lý chất thải chăn nuôi phù hợp với quy mô chăn nuôi và điều kiện của từng địa phương) nhằm giảm ô nhiễm môi trường và tăng cường khả năng thu gom, tái sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón hữu cơ.

Tiếp tục thực hiện hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho các hộ chăn nuôi đăng ký xây lắp các công trình khí sinh học quy mô nhỏ và vừa. Tổ chức tập huấn về vận hành công trình khí sinh học và quản lý toàn diện môi trường chăn nuôi cho các hộ đăng ký nhận hỗ trợ xây lắp công trình khí sinh học từ dự án.

Tiếp tục phối hợp với Cục Chăn nuôi và các đơn vị liên quan để tham gia xây dựng các quy định, thông tư về xử lý môi trường chăn nuôi, các quy chuẩn về tái sử dụng nước thải chăn nuôi cho mục đích trồng trọt.

5.2. Hợp phần 2: Tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học

Tiếp tục hỗ trợ thông tin tuyên truyền cho các định chế tài chính tham gia dự án giải ngân hợp phần tín dụng đến các hộ nông dân và doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn.

5.3. Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp.

Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả 07 gói thầu nghiên cứu đã được trao thầu.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện 03 chương trình/giáo trình đào tạo nghề cho nông dân và trình Bộ NN & PTNT phê duyệt.

Tiếp tục cập nhật số liệu về tiềm năng và hiện trạng sử dụng chất thải nông nghiệp của 10 tỉnh tham gia dự án để phục vụ công tác lập quy hoạch quản lý và sử dụng chất thải nông nghiệp nhằm giảm ô nhiễm môi trường, nâng cao thu nhập cho nông dân.

Hoàn thành trao thầu và giải ngân gói thầu số 46: cung cấp hệ thống trang thiết bị phòng thực nghiệm kiểm chứng phục vụ kiểm tra chất lượng nguyên liệu sản xuất và sản xuất phân bón hữu cơ cho Cục Bảo vệ thực vật

Tiếp tục đào tạo, tập huấn cho cán bộ khuyến nông, nông dân và các bên có liên quan về các công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp.

Tổng kết kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình thực hiện các nghiên cứu và mô hình thí điểm nhằm đề xuất cơ chế chính sách phù hợp để xử lý toàn diện môi trường chăn nuôi.

5.4. Hợp phần 4: Quản lý dự án

Tăng cường phối hợp, kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện dự án tại các tỉnh để kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Tiếp tục tổ chức đoàn đánh giá tác động đào tạo của dự án đến nhận thức và áp dụng vào thực tiễn của người dân trong việc quản lý chất thải chăn nuôi, bảo vệ môi trường bền vững.

Nâng cao chất lượng công tác báo cáo, giám sát đánh giá, lập kế hoạch, quản lý tài chính và giải ngân của dự án theo đúng các quy định mới nhất của ADB và CPVN.

Thực hiện tốt công tác giải ngân các gói thầu và giám sát thực hiện các gói thầu của dự án nhằm đảm bảo hiệu quả.

Hoàn thành thủ tục gia hạn dự án trước 30/6/2019.

5.5. Kế hoạch vốn ODA năm 2019:

Tổng số vốn dự án đã được Bộ Tài chính phân bổ là 247,84 tỷ đồng, Cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Đã được cấp năm 2019 (tỷ đồng)
	TỔNG CỘNG	247,84
A	CPMU	150,9
B	Các Tỉnh	96,946
1	Sơn La	7,47
2	Lào Cai	7,752
3	Phú Thọ	14,216
4	Bắc Giang	15,295
5	Nam Định	10,004
6	Hà Tĩnh	10,792
7	Bình Định	10,644
8	Tiền Giang	4,596
9	Bến Tre	4,745
10	Sóc Trăng	11,432

* *Vốn đối ứng ban QLDA các tỉnh đăng ký với UBND tỉnh.*

VI. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC:

1. Tiến độ giải ngân chậm của các định chế tài chính đã làm ảnh hưởng lớn tới tỷ lệ giải ngân của toàn dự án.
2. Hầu hết các tỉnh đều chậm phê duyệt kế hoạch năm và dự toán năm 2018 cho các Ban QLDA tỉnh.
3. Sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, chức năng quyền hạn lãnh đạo của Ban QLDA tỉnh Hà Tĩnh đã khiến các hoạt động của dự án LCASP tỉnh Hà Tĩnh bị gián đoạn, tỉ lệ giải ngân đạt thấp so với kế hoạch được giao.
4. Các hoạt động của dự án mang tính chất hành chính sự nghiệp bị ảnh hưởng nhiều do một số văn bản của Chính phủ quy định về hạn chế sử dụng vốn vay ODA cho các hoạt động chi thường xuyên, đào tạo, tập huấn.
5. Các gói thầu nghiên cứu bị chậm tiến độ do một số hoạt động nghiên cứu bị phụ thuộc vào thời vụ, rủi ro về thời tiết dẫn đến thời gian thử nghiệm kéo dài.

VII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Đề nghị các cấp có thẩm quyền sớm trình Chính phủ phê chuẩn cho dự án gia hạn thêm một năm để hoàn thành các hoạt động nghiên cứu đã trao thầu nhằm đảm bảo hiệu quả của dự án đúng theo thiết kế.

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN

Nguyễn Thế Hình

PHỤ LỤC:

- 1. Phụ lục 1 - Các hội thảo, tập huấn đã triển khai trong năm 2018**
- 2. Phụ lục 2 – Số lượng các công trình khí sinh học đã thực hiện trong năm 2018 và lũy kế từ đầu dự án**
- 3. Phụ lục 3 – Tình hình kiểm tra giám sát công trình khí sinh học năm 2018**
- 4. Phụ lục 4 – Tình hình giải ngân của dự án năm 2018**

Phụ lục 1: Các hội thảo, tập huấn đã triển khai trong năm 2018

(Đơn vị: Lốp)

STT	Nội dung các hoạt động	Tổng số	Trung ương	Ban quản lý dự án Hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp Tỉnh									
				Lào Cai	Sơn La	Phú Thọ	Bắc Giang	Nam Định	Hà Tĩnh	Bình Định	Tiền Giang	Bến Tre	Sóc Trăng
	Tổng	639	6	51	67	121	112	82	0	35	59	58	48
1	Tập huấn thợ xây	1			0					1			
2	Tập huấn kỹ thuật viên	1			1								
3	Tập huấn về vận hành công trình khí sinh học	287		24	56	57	61	21	0	21	40	7	
4	Tập huấn cán bộ khuyến nông, nông dân về CSAWMP	140		4	0	1	15	60			6	14	40
5	Tập huấn về Giới và Dân tộc thiểu số	8	1	1	0	1		1		1	1	1	1
6	Tập huấn cho cán bộ nghiên cứu	0											
7	Hội nghị, hội thảo tuyên truyền	176	4	22	10	39	36			10	12	36	7
8	Hội thảo, tập huấn khác	26	1		0	23				2			

Phụ lục 2: Số lượng các công trình khí sinh học đã thực hiện năm 2018 và lũy kế từ đầu dự án

TT	Tỉnh	Kế hoạch năm 2018			Năm 2018									Lũy kế từ đầu dự án đến hết năm 2018								
					Số lượng công trình			Số lượng công trình			Số lượng công trình			Số lượng công trình			Số lượng công trình			Số lượng công trình		
		Cỡ nhỏ	Cỡ vừa	Cỡ lớn	Cỡ nhỏ	Cỡ vừa	Cỡ lớn	Cỡ nhỏ	Cỡ vừa	Cỡ lớn	Cỡ nhỏ	Cỡ vừa	Cỡ lớn	Cỡ nhỏ	Cỡ vừa	Cỡ lớn	Cỡ nhỏ	Cỡ vừa	Cỡ lớn	Cỡ nhỏ	Cỡ vừa	Cỡ lớn
1	Lào Cai	825	1	0	704	0	0	704	0	0	672	0	0	3,407	4	0	3,407	4	0	3,345	4	0
2	Sơn La	1,670	4		416			416			416			2,746			2,746			2,746		
3	Phú Thọ	1,800			1,101			1,329			1,329			11,160	4		10,335	4		10,335	4	
4	Bắc Giang	1,207	20		1,207	20		1,207	20		1,207	20		9,072	23		8,825	23		8,825	23	
5	Nam Định	1,325	10		498	6		698	6		698	6		5,377	7	2	5,370	7	2	5,370	7	2
6	Hà Tĩnh	500	16		285	2		285	2		285	2		5,142	6		5,142	6		5,142	6	
7	Bình Định	1,430	20		886	5		886	4		886	4		8,575	6		8,575	4		8,575		4
8	Tiền Giang	800	2		755			755	2		595	2		3,716	2		3,716	2		3,556		2
9	Bến Tre	1,000			374			374			374			5,556	3		5,556	3		5,556		3
10	Sóc Trăng	1,405	10		161	3		161	3		118			3,163	5		3,157	2		3,100		2
	Tổng	11,962	83	0	6,387	36	0	6,815	37	0	6,580	34	0	57,914	60	2	56,829	55	2	56,550	55	2

Phụ lục 3: BÁO CÁO KIỂM TRA GIÁM SÁT CTKSH

ST T	Tỉnh	Số CT đã xây dựng từ đầu dự án đến hết năm 2018			Số CT đã kiểm tra trong năm 2018			Lũy kế Số CT đã kiểm tra từ đầu dự án đến hết năm 2018			Tỷ lệ Số CT đã kiểm tra từ đầu dự án đến hết năm 2018
		Nhỏ	Vừa	Lớn	Nhỏ	Vừa	Lớn	Nhỏ	Vừa	Lớn	(%)
1	Lào Cai	3,407	4	0	163	2	0	491	4	0	14.51
2	Sơn La	2,746			55			605			22.03
3	Phú Thọ	10,059	4		600			1,568			15.58
4	Bắc Giang	9,072	23		151	20		878	23		9.91
5	Nam Định	5,377	7	2	618	6		1,626	7	2	30.36
6	Hà Tĩnh	4,857	4		468	2		1,164	2		23.99
7	Bình Định	8,575	6		95	4		455	4		5.35
8	Tiền Giang	3,716	2		444			873			23.48
9	Bến Tre	5,556	3		227	3		756	3		13.65
10	Sóc Trăng	3,163	5		93			582			18.37
	Tổng cộng	56,528	58	2	2,914	37	0	8,998	43	2	15.98

